

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 06/03/2021

(theo quyết định số: 08 /QĐ/TTNNTH, ngày 09 tháng 03 năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	21CB1914	Huỳnh Duy Bình	12/02/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.7	8.5	Đạt
2	21CB1915	Huỳnh Hữu Chánh	01/01/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.3	5.5	Đạt
3	21CB1916	Trương Thị Cẩm Châu	18/08/1989	g Nam - Đà	Nữ	Kinh	7.0	7.5	Đạt
4	21CB1917	Phạm Công Chức	25/12/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	8.0	Đạt
5	21CB1918	ALăng Đơn	16/08/1994	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	5.0	6.5	Đạt
6	21CB1919	Lê Cao Đức	05/05/1997	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.3	5.0	Đạt
7	21CB1920	Dương Hoàng Dũng	26/07/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	9.5	Đạt
8	21CB1921	Ngô Thị Thu Hằng	05/03/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	8.5	Đạt
9	21CB1922	BHơ Nướch Thị Hậu	03/02/1985	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	6.0	5.5	Đạt
10	21CB1923	ZoRâm Hiệp	10/04/1996	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	5.0	9.0	Đạt
11	21CB1924	Lương Thị Hoà	18/11/1989	Thanh Hoá	Nữ	Mường	5.7	5.0	Đạt
12	21CB1925	Vũ Mạnh Hùng	15/07/1983	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
13	21CB1926	Trịnh Minh Hùng	10/08/1976	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.7	7.5	Đạt
14	21CB1927	Nguyễn Thanh Hùng	10/10/1976	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt
15	21CB1928	Đoàn Ngọc Hưng	15/04/1966	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.7	8.0	Đạt
16	21CB1929	Hiền Thị Kim Hương	13/01/1988	Quảng Nam	Nữ	Tà Riền	5.3	5.0	Đạt
17	21CB1930	Phạm My Huyền	01/12/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	7.0	Đạt
18	21CB1931	Nguyễn Tấn Khoa	03/07/1992	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.5	Đạt
19	21CB1932	Phan Ngọc Lâm	12/12/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.0	Đạt
20	21CB1933	Lê Thị Lành	06/09/1992	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	9.7	8.0	Đạt
21	21CB1934	Phan Thị Trúc Linh	03/03/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	5.0	Đạt
22	21CB1935	Phạm Văn Lộc	19/09/1990	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	9.0	Đạt
23	21CB1936	Dương Nguyễn Lộc	04/11/1989	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.0	8.0	Đạt
24	21CB1937	Trà Minh Long	15/05/1972	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	9.5	Đạt
25	21CB1938	Bhling Thị Kim Ngân	02/02/1992	Quảng Nam	Nữ	Ka Tu	5.0	5.0	Đạt
26	21CB1939	Nguyễn Thị Di Ngăn	19/03/1998	Quảng Nam	Nữ	Cadong	7.7	9.0	Đạt
27	21CB1940	Nguyễn Thị Nguyệt	03/02/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	7.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
28	21CB1941	Bùi Thị Tuyết Nuy	24/04/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	8.5	Đạt
29	21CB1942	Nguyễn Thị Lan Oanh	07/10/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	8.5	Đạt
30	21CB1943	Đinh Hữu Phụng	28/08/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	6.5	Đạt
31	21CB1944	Nguyễn Văn Phước	12/03/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	8.5	Đạt
32	21CB1945	Nguyễn Xuân Phương	12/12/1983	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.7	6.5	Đạt
33	21CB1946	Phạm Thị Trường Sa	21/09/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.0	Đạt
34	21CB1947	Phan Thị Mai Sương	26/08/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	9.0	Đạt
35	21CB1948	Đỗ Thị Tâm	17/12/1977	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
36	21CB1949	Trà Thanh Thắng	18/05/1995	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	8.5	Đạt
37	21CB1950	Mai Thị Ngọc Thảo	26/12/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	7.0	Đạt
38	21CB1951	Trần Dũng Thiện	09/08/1989	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.7	7.0	Đạt
39	21CB1952	Lê Tấn Thơ	05/04/1965	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.7	5.0	Đạt
40	21CB1953	Hồ Thị Thơm	02/02/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.5	Đạt
41	21CB1954	Phạm Quang Thúc	12/03/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
42	21CB1955	Tơ Ngồ Thuỷ	16/06/1991	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	5.0	7.5	Đạt
43	21CB1956	Võ Đình Tiến	10/04/1985	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.7	8.5	Đạt
44	21CB1957	Nguyễn Đình Hoàng Trang	28/10/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.7	7.5	Đạt
45	21CB1958	Nguyễn Tấn Trung	26/06/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	9.0	9.5	Đạt
46	21CB1959	Hồ Thị Lan Vi	20/02/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.0	Đạt
47	21CB1960	Nguyễn Lê Vũ	04/03/1990	Quảng Nam	Nam	Kinh	9.0	8.5	Đạt
48	21CB1961	Nguyễn Thị Ngọc Ý	07/01/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	8.5	Đạt
49	21CB1962	Phan Thị Thu Nga	21/02/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
50	21CB1963	ALăng Ngót	04/03/1980	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	5.0	5.5	Đạt
51	21CB1964	Nguyễn Minh Vương	01/01/1984	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.7	8.0	Đạt
52	21CB1965	Pơ Loong Ba	01/01/1990	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	5.0	6.5	Đạt
53	21CB1966	Nguyễn Văn Thận	10/11/1965	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.5	Đạt

Danh sách này có: 53(thí sinh)